

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2024/DS-ST
Ngày 11/6/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Lê Quế Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Dũng;

Ông Trần Trung Nhân.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Luân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 137/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã H, huyện C, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1980 (có đơn xin vắng mặt).

Ông Trần Minh Hu, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã A, huyện C, tỉnh T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Trần Thị Hồng N, sinh năm 1964 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã A, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Vào năm 2020 đến năm 2022, do là chỗ quen biết nên ông có tham gia hụi do bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trần Minh Hu làm đầu thảo hụi, cụ thể:

Dây hụi 1: Hụi khui ngày 20/01/2020 âm lịch, hụi 2.000.000 đồng, một tháng khui một lần, hụi gồm 24 phần, ông tham gia chơi 01 phần, trong danh sách hụi ghi tên là “ông Út”, ông đã đóng được 19 lần thì bà H và ông Hu ngưng không khui hụi nữa. Như vậy bà H và ông Hu còn nợ ông số tiền 38.000.000 đồng tiền hụi.

Dây hụi 2: Hụi khui ngày 20/01/2020 âm lịch, hụi 2.000.000 đồng, một tháng khui một lần, hụi gồm 25 phần, ông tham gia chơi 02 phần, trong danh sách hụi ghi tên là “ông Út Rựa” và “bà Út”, dây hụi này ghi tên vợ ông là bà N (tên thường gọi là bà Út) nhưng ông là người trực tiếp tham gia hụi và đóng hụi, ông đã đóng được 19 lần hụi thì bà H và ông Hu ngưng không khui hụi nữa. Như vậy bà H và ông Hu còn nợ ông số tiền 76.000.000 đồng tiền hụi.

Tổng cộng bà H và ông Hu còn nợ ông số tiền 114.000.000 đồng tiền hụi. Nay ông yêu cầu bà H và ông Hu phải liên đới trả số tiền 114.000.000 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Bà thừa nhận vợ chồng ông T và bà Nga trong danh sách hụi tên là ông Út Rựa có tham gia của bà hai dây hụi (03 phần) như trong đơn khởi kiện của ông T là đúng. Các dây hụi này đều bề trong tháng khui thứ 19. Nay bà đồng ý trả ông T số tiền vốn của 03 dây hụi trên với số tiền 68.400.000 đồng. Bà hứa sau khi bán được hứa sẽ trả đủ, mỗi lần khui hụi đều diễn ra tại nhà bà nên bà sẽ trả, toàn bộ chồng bà không có tham gia. Hiện bà và ông Hu vẫn còn là vợ chồng.

- Bị đơn ông Trần Minh Hu dù được tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt và không có lời trình bày.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Hồng N trình bày:

Theo đơn khởi kiện của chồng bà là ông T yêu cầu bà H và ông Hu cùng có trách nhiệm trả ông T số tiền 114.000.000 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chồng bà nên không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Hồng Nga có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn ông Trần Minh Hu dù được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T, bà H, bà N và ông Hu.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, ông T khởi kiện bà H và ông Hu về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn bà H và ông Hu có nơi cư trú tại huyện Cái Bè nên

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Xét, nguyên đơn ông T yêu cầu bà H và ông Hu liên đới trả ông số tiền nợ hui 114.000.000 đồng, trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bị đơn bà H đồng ý trả số tiền hui vốn là 68.400.000 đồng. Xét bị đơn bà H thừa nhận nợ, bà có làm đầu thảo hui và xác định ông T, bà N có tham gia 03 phần hui như ông T trình bày tại đơn khởi kiện, cụ thể: dây hui 1, hui khai ngày 20/01/2020 âm lịch, hui 2.000.000 đồng, một tháng khai một lần, hui gồm 24 phần, ông T tham gia 01 phần, ông đã đóng được 19 lần hui. Dây hui 2, hui khai ngày 20/01/2020 âm lịch, hui 2.000.000 đồng, một tháng khai một lần, hui gồm 25 phần, ông T tham gia 02 phần, ông đã đóng được 19 lần hui. Tuy nhiên bà H chỉ đồng ý trả ông T số tiền hui vốn là 68.400.000 đồng là không có cơ sở. Bởi lẽ, ông T là hui viên luôn hoàn tHnh các nghĩa vụ của hui viên, thực hiện việc góp các phần hui đầy đủ. Trong tháng khai hui thứ 19 bà H tuyên bố bẻ hui, không tổ chức khai hui nữa, dó đó bà H phải có trách nhiệm hoàn trả tiền hui và lãi hui cho ông T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T và bà H cùng thống nhất xác định hiện hai dây hui nêu trên đều bẻ hui trong tháng khai hui thứ 19. Bà N thống nhất đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T. Do đó có căn cứ xác định tổng số tiền hui còn nợ là 114.000.000 đồng.

[3.2] Xét, ông T yêu cầu ông Hu liên đới cùng bà H trả số tiền hui 114.000.000 đồng, mặc dù ông Hu không có ý kiến lời khai đối với vụ án, nhưng theo lời khai bà H cũng thừa nhận ông Hu là chồng bà, bà H mở hui trong thời gian dài và khai hui tại nH. Từ đó cho thấy việc bà H cho rằng ông Hu không có tham gia, không biết các dây hui nêu trên là không có cơ sở. Do đây là số nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên buộc ông Hu có nghĩa vụ liên đới với bà H trả số nợ 114.000.000 đồng cho ông T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T yêu cầu bà H và ông Hu liên đới trả số tiền hui 114.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự.

[3.3] Xét, bị đơn bà H xin trả nguyên đơn ông T số tiền vốn là 68.400.000 đồng nhưng không được nguyên đơn ông T đồng ý nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà H và ông Hu phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trần Minh Hu có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 114.000.000 đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trần Minh Hu phải chịu 5.700.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn T có đơn xin miễn tạm ứng án phí, án phí ngày 18/3/2024 do ông là người cao tuổi thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí theo Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nên miễn tiền tạm ứng án phí cho ông T.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông T, bị đơn bà H, ông Hu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Lê Quế Thanh